

VỀ NHÓM TU DÍ Ở HUYỆN MỜNG KHỜNG, TỈNH LAO CAI

NGUYỄN THỊ THANH NGÀ

Nhóm Tu Dí là một bộ phận của dân tộc Bố Y, vốn x- a có nguồn gốc tại phủ Đô Văn, tỉnh Quý Châu (Trung Quốc).

Cách đây khoảng gần 300 năm, nhóm ng- ời này đã thiên di xuống phía Nam và c- tụ tại các vùng Mã Quan, Hồ Khẩu, tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), giáp giới với huyện Mờng Khờng, tỉnh Lào Cai của n- ớc ta. Theo gia phả một số hộ ng- ời Tu Dí, họ vào n- ớc ta khoảng những năm Gia Khánh (*Chá Sín*) đời Thanh Nhân Tông (1795 - 1820). Ở đây, nhóm này đã chung sống với c- dân đa số là ng- ời Hán và những bộ phận của dân tộc Choang. Họ lấy tiếng Quan Hoả làm ngôn ngữ giao tiếp chính. Đây là thứ tiếng phổ biến khắp vùng Nam Trung Quốc và miền biên giới Việt-Trung. Bằng tiếng Quan Hoả, nhóm này tự nhận mình là ng- ời Bố Y ở Đô Văn. Các dân tộc trong vùng cũng gọi họ nh- thế. Về sau ng- ời ta gọi tắt là *Tu Zin* (Đô Văn). Trong quá trình c- tụ ở Mờng Khờng, tên gọi *Tu Zin* theo tiếng Quan Hoả đã đ- ọc Việt hoá một biến âm t- ơng cận thành Tu Dí.

Vì thiên di vào những giai đoạn lịch sử khác nhau, lại mang tên gọi (do cách gọi của các dân tộc láng giềng gọi họ) nên nhiều tác giả t- ởng nhầm Bố Y và Tu Dí là hai dân tộc, song thực chất, Tu Dí là nhóm địa ph- ơng thuộc dân tộc Bố Y. Họ có cùng một nguồn gốc lịch sử và tộc danh. Bản thân ng- ời Tu Dí cũng tự nhận mình là dân tộc Bố Y. Mặc dù ngôn ngữ của nhóm Tu Dí ở Mờng Khờng lấy tiếng Quan Hoả là ngôn ngữ giao tiếp chính, họ hầu nh- quên hẳn tiếng mẹ đẻ (tiếng Tu Dí). Dân tộc Bố Y mặc dù sử dụng tiếng Nùng trong giao tiếp, song họ cũng sử dụng tiếng Quan Hoả rất phổ biến và gần nh- là ngôn ngữ chính. Bên cạnh đó, một hiện t- ợng rất đáng l- u ý là nhóm Tu Dí và dân tộc Bố Y ở Mờng Khờng đều sử dụng khá thành thạo tiếng Việt. Những t- liệu trên cũng là các cứ liệu khoa học rất cơ bản để các nhà nghiên cứu Dân tộc học ở n- ớc ta khẳng định và đã xếp nhóm Tu Dí thuộc dân tộc Bố Y từ năm 1979.

Tuy nhóm Tu Dí ở Mờng Khờng đã hoàn toàn dùng tiếng Quan Hoả, nh- ng trong văn hoá, họ vẫn giữ đ- ợc những nét riêng về phong tục tập quán, nh- các nghi thức về hôn lễ, tang ma.

1. Các ph- ơng thức kiếm kế sinh nhai

Ng- ời Tu Dí th- ờng c- trú trên những triền núi cao, có khi ở độ cao trên một nghìn mét so với mặt biển. Lối canh tác chủ yếu của ng- ời Tu Dí là làm n- ơng rẫy. Cây l- ơng thực chính là ngô và lúa, ngoài ra họ còn trồng nhiều sắn, khoai lang, khoai sọ, dong giềng làm cây l- ơng thực phụ. Mỗi năm ng- ời Tu Dí chỉ trồng một vụ lúa và một vụ ngô, đặc biệt là đồng bào có tập quán trồng rau, màu trong các v- ườn và trang trại nhỏ. Họ có kinh nghiệm sản xuất từ lâu đời và ngày nay họ vẫn phát huy đ- ợc sở tr- ờng này trong điều kiện mới của nền kinh tế thị tr- ờng.

Công cụ sản xuất truyền thống của ng- ời Tu Dí là loại cày hai l- ưỡi, bừa bàn, cuốc và dao phát n- ơng. Sức kéo của trâu là rất quan trọng trong khâu vỡ đất để làm ruộng. Đến vụ làm n- ơng, ng- ời Tu Dí dùng dao chặt cây, đốt n- ơng rồi dùng cuốc xới đất và vùi hạt xuống. Ruộng bậc thang cũng là loại ruộng đ- ợc canh tác khá phổ biến ở Mờng Khờng. Ng- ời Tu Dí là dân tộc có nhiều kinh nghiệm khi canh tác loại ruộng này, đặc biệt là kỹ thuật làm thuỷ lợi vùng cao, đ- a n- ớc về các thửa ruộng bậc thang. Đây là một - u điểm thể hiện thế mạnh của truyền thống làm ruộng n- ớc từ đời x- a của ng- ời Tu Dí. Ở các xã Hoảng Thèn, Pả Chín, Choán Ván, có tầng tầng lớp lớp những triền ruộng bậc thang. Trong trồng trọt, họ cũng có tập quán trồng xen canh các loại lạc, vừng, rau, đậu, bầu bí với ngô n- ơng. Cách trồng xen đó đem lại nguồn thực phẩm th- ờng xuyên cho đồng bào trong bữa ăn.

Ng- ời Tu Dí cũng rất chú ý đến việc chăn nuôi gia súc, gia cầm. Nhà nào cũng có đàn gà, lợn, vịt ngan ngỗng. Đến các dịp tết lễ, đám c- ới, đám tang hay làm nhà mới thì đây là nguồn thực phẩm rất tiện lợi cho họ.

Ng-ời Tu Dí ở M-ờng Kh-ong là những c- dân rất giỏi săn bắn thú rừng, kiếm cá nơi sông suối và l-ợm hái lâm thổ sản để cải thiện đời sống sinh hoạt hàng ngày.

Nhóm Tu Dí cũng là c- dân có nhiều nghề thủ công và những nghề phụ gia đình, nhất là việc chế tác công cụ sản xuất và các đồ gia dụng nh- bấp cày, bừa bàn, làm các bồn chứa n-ớc bằng gỗ ghép, thùng đựng thức ăn bằng gỗ và các dụng cụ để đồ mèn mèn. Những sản phẩm đ-ợc làm từ dang, song, tre đều rất đẹp, có kỹ thuật cao nh- giỏ, làn, hòm mây, các sản phẩm này th-ờng đ-ợc bán cho các dân tộc trong vùng. Những sản phẩm có kỹ nghệ cao nh- đồ trang sức bằng bạc, đồng (vòng tay, vòng cổ) của phụ nữ Tu Dí, những tác phẩm chạm khắc trên phân mộ... đều do bàn tay khéo léo và tài nghệ của ng-ời đàn ông Tu Dí làm nên. Ngoài ra họ còn rất giỏi các nghề mộc, rèn, đúc, làm yên ngựa, móng ngựa... Phụ nữ Tu Dí khéo tay và có truyền thống trong việc dệt vải, thêu thùa, may vá. Nghề thủ công tuy lẻ tẻ trong từng hộ gia đình nh-ng cũng đã đáp ứng đ-ợc phần lớn những nhu cầu sinh hoạt trong đời sống của họ và tạo ra một số sản phẩm làm hàng trao đổi với các dân tộc khác trong vùng.

2. Đôi nét về văn hoá

Sống gần gũi với đồng bào Hmông, ng-ời Tu Dí cũng có thói quen ăn *mèn mèn* và *thắng cố*, là những món ăn rất đặc tr-ng của ng-ời Hmông. Sống ở vùng cao, th-ờng xuyên thiếu n-ớc nên ng-ời Tu Dí cũng th-ờng lấy n-ớc ngô luộc, rau luộc làm n-ớc uống và ít khi dùng n-ớc chè.

Về nhà cửa, sống ở vùng khí hậu giá rét, họ có cách ứng xử trong việc xây dựng nhà ở theo lối phòng thủ: đó là loại nhà nền có ba gian, xung quanh đ-ợc trình t-ờng vững chắc. Trong ngôi nhà của họ, gian giữa rộng hơn hai gian bên và có một cửa ra vào. Vì kèo của nhà là hai cây gỗ giao nhau ở nóc. Nhà không có trụ giữa, trụ con. Phía trên quá giang là sàn nhà thông cả ba gian (th-ờng dùng để thóc, lúa ngô, đựng đồ dùng). Bộ kèo đơn giản đã tạo nên một khoang sàn khá thoáng, rộng. Nhà gồm 2 mái hình chữ nhật, mái có độ dốc cao. Mái nhà th-ờng lợp bằng nứa, rạ hoặc cỏ tranh. Cũng có nhà lợp loại ngói lòng máng, ngói chiếu. Bếp th-ờng bám vào đầu hồi nhà, không tách khỏi ngôi nhà. Lối vào nhà bằng một cửa chính mở ở gian giữa và một

cửa ngách thông sang bếp đun. Giữa các gian đều có vách ngăn bằng gỗ hoặc tre, nứa thành những gian buồng riêng dành cho phụ nữ và nơi dành cho bếp.

Về trang phục, phụ nữ Tu Dí ở M-ờng Kh-ong có lối trang phục giống nh- phụ nữ ng-ời Hoa, tuy nhiên y phục của họ vẫn mang một số nét riêng của dân tộc Bố Y. Quần của phụ nữ Tu Dí gọi là *khủ tr*□ áo là *xâu ka*. Dáng áo có hình dạng chung của y phục phụ nữ Tày, Nùng, Hoa, Giáy...□ vùng M-ờng Kh-ong, duy chỉ có đôi ống tay áo (*zí sừu*) là không giống của dân tộc nào. *Zí sừu* đ-ợc lồng vào trong ống tay áo cánh ngắn và đ-ợc cài khuy bấm, nối đoạn tay áo dài tới cổ tay. *Zí sừu* đ-ợc chia làm nhiều khúc, mỗi khúc là một mảng hoa văn hay một miếng vải màu. Nhìn vào áo có đôi *zí sừu* ta thấy lớp lớp tay áo đè lên nhau.

□o c-ới của phụ nữ Tu Dí khác áo ngày th-ờng ở chỗ nó dài rộng hơn và cổ áo may bằng gấm thêu mua của ng-ời Hoa. Trên thân áo thêu nhiều hình hoa lá, hình quả trám, hình kỷ hà. □o chú rể là áo tứ thân dài quá đầu gối, giống kiểu áo của ng-ời Việt x- a.

Trong bộ y phục của phụ nữ Tu Dí, đáng chú ý nhất là cái xiêm (*vừi giáo*). Xiêm đ-ợc mặc che tr-ớc bụng. Đây là cách mặc của bộ y phục có váy của ng-ời Bố Y, mặc dù ngày nay phụ nữ Tu Dí mặc quần áo ảnh h-ởng cách mặc của ng-ời Hán.

Khăn đội đầu của phụ nữ gọi là *páu thêu*. Đó là loại khăn dài hơn một sải, chiều ngang là khổ vải 0,35cm. Phụ nữ Tu Dí có tục vấn tóc, chít khăn theo ba lứa tuổi: con gái ch- a chồng, phụ nữ có chồng, phụ nữ có tuổi. Quần, áo, xiêm, khăn của ng-ời Bố Y đều bằng vải thô tự dệt và tự nhuộm chàm. Ngày nay ng-ời ta cũng dùng nhiều vải sợi nilon.

Phụ nữ Tu Dí mang trên mình nhiều trang sức bằng bạc. Một bộ trang sức gồm có: vòng cổ (*nó chữ*), vòng tay (*chở tấu*), nhẫn (*xâu khú*), dây bạc đeo ở cổ (*vừi xèo sỏ* và *zà xẻ*). *Vừi xèo sỏ* gồm 80 cụm mắt xích nối liền. Mỗi cụm có ba mắt đan vào nhau. Trang sức này đ-ợc đeo quàng ra ngoài cổ áo, hai đầu dây thả trên xiêm tr-ớc ngực; mỗi đầu dây có 2 con b-óm đầu đầu vào nhau. *Zà xẻ* cũng là một chuỗi dây bạc nh- *vừi xèo sỏ*, nh-ng chuỗi dây và sợi dây *zà xẻ* đều

mảnh hơn so với dây *vùi xèo sô*). *Za xẻ* th-ờng gồm hai hoặc ba chuỗi dây nh- thể, dùng để gắn vào bên ngực áo rồi buông ra ngoài xiêm. □ đầu chuỗi dây có đeo một hình cá, b-ôm hay vuốt hổ. Phụ nữ Tu Dí th-ờng đi tất và giầy vải nh- phụ nữ ng-ời Hoa chứ không dùng tất l-ng và xà cạp nh- phụ nữ Hmông. Nam nữ ng-ời Tu Dí đều để răng trắng và không ăn trâu.

3. Xã hội truyền thống

Trong xã hội cũ, thân phận ng-ời Tu Dí ở đây rất thấp kém, họ sống d-ới quyền hành của chánh tổng ng-ời Dao. Vị này cai quản cả một vùng ngày nay thuộc 8 xã nh- M-ờng Kh-ong, Nám L- , Lũng Khâu Nhìn, Tả Chu Phùng, Tung Trung Phố, Thanh Bình... *Pín thâu* và *xèo phải* là những chức dịch của chính quyền phong kiến thực dân đứng đầu mỗi làng Tu Dí tr-ớc đây. Những chức này th-ờng là ng-ời Nùng, ng-ời Hoa đảm nhiệm. Hàng năm mỗi gia đình ng-ời Tu Dí phải nộp cho *pín thâu* một khoản tiền tô t-ong đ-ong với 30kg thóc, phải đi tô lao dịch 15 ngày công.

Trong xã hội cổ truyền, đứng đầu mỗi làng Tu Dí còn có chức *pao ta*. Đây là ng-ời mà dân làng cho rằng có thuật phong thủy, biết xem mạch núi để đào huyệt, biết làm phép trừ tà khi làng có đám tang, đám lễ, và *pao ta* cũng là ng-ời biết xem nơi nào đất tốt để làm n-ong, chỗ nào có nguồn n-ớc ăn. Ông cũng là ng-ời chủ trì những việc làm công ích và phán xử những vụ vi phạm tập quán của làng. Ngày nay làng ng-ời Tu Dí vẫn có thầy cúng, gọi là *xế xấn*. Ông ta không có trình độ nh- *pao ta* x-a kia, nên chỉ chủ trì việc cúng bái, đám tang, đám lễ mà thôi.

Ng-ời Tu Dí từ xa x-a tới nay vẫn giữ truyền thống tốt đẹp là giúp đỡ đối công nhau khi làm nhà, ma chay, c-ới hỏi.

Làng ng-ời Tu Dí th-ờng có vài chục nóc nhà, đông nhất nh- ở Thanh Bình có tới hơn 200 nhân khẩu. Nhà của họ th-ờng dựng gần kề nhau; nhà nào cũng có mảnh v-ờn, trồng các loại rau ăn th-ờng ngày và rau thơm các loại. Nguồn n-ớc dẫn về làng từ trên cao theo hệ thống máng bằng b-ong, tre.

Về dòng họ, ng-ời Tu Dí có các họ nh- Lô, Cháng, Giàng, Vàng, Tháng, Chấn, Ly, Sầu, Làn; ngoài ra có những dòng họ khác nh- Hoàng, Phố, Phùng... nh- ng không nhiều. Nhìn vào các

tên đệm ng-ời ta có thể biết vai vế trong dòng họ. Tùy theo từng dòng họ, có họ 6 đời lại quay lại tên đệm đầu trên, có họ 10 đời mới quay lại. Mỗi họ có tên đệm riêng theo thứ bậc. Ví dụ về tr-ờng hợp họ Lô:

1. Lô Khái Hoà (ông)
2. Lô Suấn Lìn (bố)
3. Lô Phủ Din (con trai)
4. Lô Củi Thuỷ (cháu nội)
5. Lô Lào (chất nội)
6. Lô Khái Hảo (chút nội)

Nh- vậy, đến đời thứ 6 dòng họ Lô này đã trở lại tên đệm đầu tiên của ng-ời ông là Khái (Lô Khái Hoà).

Ng-ời Tu Dí th-ờng có gia phả của từng dòng họ. Ng-ời cùng dòng họ bị nghiêm cấm kết hôn. Các con đều theo họ bố. Ng-ời ở rể sẽ phải theo họ vợ và th-ờng lấy họ mình làm tên đệm.

Gia đình ng-ời Tu Dí là gia đình nhỏ phụ quyền. Ng-ời cha là chủ gia đình và điều hành mọi việc lớn nhỏ trong nhà; là ng-ời chủ lễ khi có cúng lễ gia tiên, tổ tiên. Trong bữa ăn th-ờng ngày, cả nhà đều ngồi cùng mâm, không phân biệt nam, nữ, bố chồng, dâu con... Mọi thành viên trong gia đình đều đối xử tốt với phụ nữ và đặc biệt là quý hoá các nàng dâu. Ng-ời Tu Dí thực hiện chặt chẽ việc hôn nhân một vợ một chồng, chế độ đa thê bị lên án nghiêm khắc. Những tr-ờng hợp vợ chồng lấy nhau lâu năm mà không có con, nếu đ-ợc ng-ời vợ thuận tình ly hôn thì ng-ời chồng sẽ đ-ợc lấy vợ hai.

Hôn nhân anh em con cô, con cậu và con dì con già trong cộng đồng Tu Dí vẫn đ-ợc thực hiện. X-a kia ng-ời Tu Dí rất tôn trọng việc kết hôn cùng dân tộc nh-ng ngày nay do cuộc sống gần kề các dân tộc khác, việc hôn nhân với ng-ời Hoa, ng-ời Phù Lá, ng-ời Pa Dí đã diễn ra rất nhiều ở vùng M-ờng Kh-ong. Con trai Tu Dí lấy vợ dân tộc khác vẫn về ở rể nh- phong tục ng-ời Tu Dí vậy. Hủ tục tảo hôn vẫn tồn tại trong hôn nhân của ng-ời Tu Dí. Ngay năm 2004, ở một số xã của M-ờng Kh-ong vẫn có các cô gái Tu Dí 15, 16 tuổi đã đi lấy chồng. Trong gia đình ng-ời Tu Dí, việc sắp đặt hôn nhân vẫn do cha mẹ quyết định và con cái phải nghe theo.

Hôn nhân của họ phải qua nhiều b-ớc. Đầu tiên phải có ng-ời trung gian làm mối, đến nhà gái th-a chuyện, nếu nhà gái -ng thuận thì nhờ

thầy cúng (*xế xấn*) so tuổi. Sau đó, nhà trai nhờ hoặc 2 ông, hoặc 2 bà đi làm mối; phải đi 3 lần để trò chuyện. Lần 1 chỉ là nói chuyện - óm hỏi (*phẳng mời*); lần 2 : Nói chuyện về việc nhà trai phải đ- a sính lễ c- ói, bàn xem nhà trai phải đ- a bao nhiêu lễ vật; và lần 3 : Định ngày tổ chức đám c- ói.

Trong phong tục c- ói xin, nhà gái th- ờng ít phải lo về vật chất hơn là nhà trai; còn nhà trai phải lo từ quần áo, chăn màn, hòm đựng đồ của cô dâu. Có nhà thách tới 16 bộ quần áo cô dâu. Có một đám c- ói ng- ời Tu Dí gần vào tháng 11 năm 2004 ở xã Thanh Bình, nhà gái vẫn thách 5 bộ quần áo cô dâu, kèm theo đồ trang sức nh- vòng tay, dây đeo yếm, *vu đeo lễ* (loại dây bạc, chạm trổ bông hoa, con b- óm rất cầu kỳ và đ- ọc đựng trong một cái r- ong sơn son thếp vàng), 1 tạ thịt lợn, 100 lít r- ượu (mọi đồ sính lễ phải đem đến nhà cô dâu tr- ớc 1 ngày).

Đám c- ói của ng- ời Tu Dí th- ờng diễn ra tới 3 ngày. Trong ngày đón dâu, đoàn đi đón là những anh chị em và bạn của chú rể. Chú rể không bao giờ có mặt trong đoàn đón dâu. Theo đúng giờ đã định, cô dâu mới đ- ọc b- ớc vào cửa nhà chồng. Nếu đoàn đón dâu về sớm thì phải chờ ngoài cửa (có tr- ờng hợp phải chờ qua đêm để đến giờ lành của hôm sau). Khi nâng dâu b- ớc qua cửa, một tràng pháo nổ giòn và đôi tân hôn quỳ lạy gia tiên. Từ đấy cho đến chiều hôm sau, cô dâu không đ- ọc b- ớc chân ra ngoài. Nếu vi phạm lệ này sẽ bị phạt đến 10 ngày sau mới đ- ọc về thăm bố mẹ đẻ.

Khi họ hàng vào tiệc, cô dâu b- ng một khay n- ớc chè hoặc n- ớc đ- ờng đi mời khắp l- ợt.

Đêm đầu tiên ở nhà chồng cô dâu phải ngủ chung cùng chị em bạn gái. Sáng hôm sau cô dâu dậy thật sớm để quét nhà, rửa bát. Đây là một nghi thức t- ụng tr- ng cho bốn phận làm dâu của cô.

Chiều hôm đó, cô dâu đ- ọc về nhà mẹ đẻ. M- ời ngày sau chú rể mời hai bậc cô bác của mình tới nhà ăn cơm, sau đó đến nhà gái xin cô dâu về. Từ hôm đó cô dâu sẽ ở hẳn nhà chồng.

Trong sinh đẻ, ng- ời Tu Dí có tục kiêng kỵ trong vòng 1 tháng không ra ngoài kể từ lúc sinh. Trong nhà có trẻ mới sinh, ng- ời ta cấm một cành cây để làm hiệu nh- ng không kiêng ng- ời lạ. Nhau của đứa bé sẽ đ- ọc chôn ở gậm gi- ờng

của ng- ời mẹ. Ba ngày sau khi đứa trẻ ra đời sẽ có một lễ đặt tên. Khi bé tròn 1 tháng thì làm lễ cúng mụ (*nhàng nhắng má*). Vào dịp này ông bà ngoại của đứa bé sẽ đến thăm, mang theo quà tặng nh- hai cái tã, hai cái địu, áo lọt lòng, mũ che thóp...

Bàn thờ cúng mụ đ- ọc đặt phía đ- ới và tr- ớc bàn thờ tổ tiên. Khi cúng xong, bàn thờ đó đ- ọc đem đặt nơi đầu gi- ờng hai mẹ con. Theo quan niệm của ng- ời Tu Dí, mẹ là ng- ời nuôi dạy đứa trẻ khi còn trong bụng mẹ tới khi nó thành đĩnh.

Khi có việc tang, ng- ời Tu Dí mời thầy cúng đến làm ma. Quan tài đ- ọc ghép bằng hai phiến gỗ khoét rỗng, mô phỏng hình cây.

Khi ng- ời bố qua đời, ng- ời con trai sẽ tắm cho ông và cạo tóc; nếu có răng vàng cũng tháo ra, rồi cuốn tử thi bằng vải trắng từ đầu đến gót chân, sau đặt lên bụng một l- õi cày và phủ vải lên (với ng- ời chết là đàn bà cũng làm nh- vậy, với ngụ ý họ sẽ không bao giờ quên việc ruộng, n- ụng). Chiếc gậy chống trong đám tang cũng đ- ọc cuộn vải trắng.

Trong làng của ng- ời Tu Dí, cứ mỗi năm ng- ời ta lại cử ra một ông tr- ởng hội. Ngoài chịu trách nhiệm cúng lễ hàng năm cho làng, làm lễ bảo vệ rừng, hoà giải trong dân, ông còn lo cho các nhà có việc tang.

Sau khi tắm rửa cho ng- ời quá cố xong, ng- ời con trai tr- ởng trong nhà sẽ đi cùng ông tr- ởng hội đến từng nhà, quỳ tr- ớc cửa. □ng tr- ởng hội sẽ báo tin tang lễ và đề nghị mọi ng- ời giúp gia chủ.

Tang lễ của ng- ời Tu Dí chỉ diễn ra 1 ngày 1 đêm. Thầy cúng đ- ọc mời đến để lấy giờ nhập quan. Ng- ời Tu Dí th- ờng chôn ng- ời chết trên đồi. Họ không bốc mộ mà đào sáu chôn chặt vĩnh viễn. Xung quanh mộ đ- ọc xếp đá vữa chắc và họ rất kiêng kỵ không động đến khu vực mộ mả. Sau khi chôn xong, ng- ời Tu Dí sẽ làm giỗ 3 lần: lần 1 đ- ọc làm sau tang lễ 7 ngày; lần 2 – sau tang lễ 60 ngày; lần 3 – sau 120 ngày. Sau đó, họ không có giỗ hàng năm mà cứ dịp thanh minh, con cháu đem gà, r- ượu đến thăm mộ và ngả ra cùng ăn uống bên cạnh mộ để t- ờng nhớ ng- ời đã khuất.

Ng- ời Tu Dí cũng có kiêng kỵ liên quan đến việc tang: khi bố mẹ mất, con cháu không đ- ọc ăn mỡ, không đ- ọc uống r- ượu; phải trải rơm nằm

d-ới đất và con trai kiêng 2 tháng không cắt tóc, cạo râu; kiêng dự các buổi vui chơi, ca hát.

Trong thờ cúng, ng-ời Tu Dí chịu ảnh hưởng sâu sắc của Tam giáo. Trên bàn thờ mỗi gia đình Tu Dí thờ có ba bát hương thờ trời, đất và tam đại. Phía trước bàn thờ là nơi thờ thần bảo vệ gia súc. Những ngày rằm, mừng một họ còn có tục lệ thắp một nén hương bên bếp lửa, cạnh đó đặt một chén nước chè, có khi là nước ngô luộc để cúng thần bếp (*chảo xân*). Ng-ời Tu Dí cho rằng thần bếp theo dõi mọi hoạt động của gia đình và làn khói bay lên trời sẽ bày tỏ mọi điều tốt, xấu của gia đình họ.

Mỗi làng của ng-ời Tu Dí đều có nơi thờ sơn thần, thổ địa (*thủ ty, sán xâu*). Theo quan niệm của họ, đây là vị thần bảo vệ thôn làng, rừng núi, đất đai, vật nuôi, cây trồng; bảo vệ ngọn lửa của mỗi bếp nhà dân và đặc biệt là ngăn cản các oan hồn đã biến thành ma làm hại dân làng.

Mùng sáu tháng sáu (lịch âm) (*lù giế lù*) hàng năm là tết riêng của ng-ời Tu Dí. Đây là tết cúng mẹ hương trên hương rẫy (*giàng mèu thủ ty*). Trong buổi tết này nhà nào cũng làm xôi, bánh giầy, bánh nếp, xôi 12 mẫu. Việc cúng cho toàn thôn sẽ do một thầy cúng (*xế xân*) thực hiện.

Mỗi năm, ng-ời Tu Dí có tới chín lần tổ chức cúng lễ tết:

- Tết đầu năm (tết Nguyên đán - *cố nhuê*). Đây là dịp ng-ời ta có nhiều tập quán kiêng kỵ và nghỉ khá lâu.

- Rằm tháng giêng (qua ngày 16 âm ng-ời ta lại đi làm hương rẫy bình thường).

- Tết mồng hai tháng hai (*cô mẫy xu l*). Đây là dịp tế cúng ma để bảo vệ gia súc, cây trồng. Vào dịp này ng-ời ta quy định cấm lên hương 3 ngày.

- Tết thanh minh (*xế min*) vào ngày ba tháng ba.

- Tết mồng tám tháng t-: Đây là tết cúng trâu và là tết lớn thứ hai của ng-ời Tu Dí sau tết Nguyên đán.

- Tết đoàn ngộ (*tu vù giê*) vào ngày năm tháng năm.

- Tết mồng sáu tháng sáu (*lù giế lù*) cúng ma hương.

- Tết rằm tháng bảy (*pài xờ vu*) cúng vong linh những ng-ời đã chết.

- Tết mồng chín tháng chín (*ch* – tết cơm mới).

Trong những dịp Tết lễ ng-ời Tu Dí cũng có những tập quán kiêng kỵ thể hiện tín ngưỡng của dân nông nghiệp.

Về văn nghệ dân gian: Do thay đổi ngôn ngữ và lấy tiếng Quan Hoá làm ngôn ngữ chính, ng-ời Tu Dí không còn giữ được những câu ca dao, tục ngữ cổ truyền bằng tiếng mẹ đẻ. Riêng loại truyện cổ tích, truyện kể dân gian thì vẫn còn lưu truyền rộng rãi với cốt truyện của ng-ời Tu Dí, nhưng được chuyển thể qua tiếng Quan Hoá. Những câu chuyện đó mô tả con đường di cư gian khổ, gặp ghênh và số phận của những con ng-ời di cư, đồng thời cũng phản ánh phần nào cuộc đấu tranh xã hội và đấu tranh với thiên nhiên để tồn tại đến ngày nay.

Vào dịp tết đầu năm, nam nữ thanh niên Tu Dí có tục đi chợ xuân. Gặp nhau ở dọc đường, họ dừng lại để hát đối, thổi kèn lá phụ họa.

Dịp tết nhỏ (*x* – *vu*) ng-ời Tu Dí có phong tục hát đối tại nhà, quanh bếp lửa, nam một bên, nữ một bên hát thâu đêm và thổi kèn lá, thổi sáo, chơi đàn nhị, đàn tam. Hình thức hát này là một lối hát cổ truyền của dân tộc Bố Y, mặc dù lời ca là tiếng Hán.

Những dịp hội hè hàng năm, thanh niên Tu Dí có tục chơi đu, chơi *lung hau*, chúc nhau uống rượu. Những ng-ời đứng tuổi thì chơi cờ tướng, cờ ng-ời. Trẻ em thì chơi đánh đố (*giành hô*), đánh quay (*tờ ló*), chơi khăng.

Ng-ời Tu Dí cũng là những ng-ời giỏi trong việc sử dụng các bài thuốc dân gian để chữa bệnh, như bệnh đau lưng, bị rắn cắn, gãy tay và chữa bệnh cho gia súc.

*

* *

Qua trình bày trên đây cho thấy, quá trình thiên di vào Việt Nam, nhóm Tu Dí - những ng-ời Bố Y ở phía Đông - là quá trình liên kết họ thành một cộng đồng. Họ đã tiếp thu nhiều yếu tố văn hoá của các dân tộc láng giềng, để hoà đồng và tồn tại, song vẫn bảo lưu được những nét văn hoá riêng của dân tộc mình trong quá trình phát triển.